

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN BỒI DƯỠNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG PHỔ THÔNG ĐÁP ỨNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

PHAN THỊ THÚY QUYÊN^(*)

TÓM TẮT: *Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông là nhân tố trung tâm trong quá trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông. Chính vì vậy, hầu hết các nghiên cứu về đổi mới nhằm mục tiêu hướng đến việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Định hướng thay đổi chương trình và sách giáo khoa theo hướng phát triển năng lực cho người học đã tính đến việc đáp ứng nhiều mục tiêu chung đảm bảo điều kiện cho hoạt động đổi mới thì việc xác định nội dung cần bồi dưỡng là hết sức quan trọng. Bài báo nêu lên một số nội dung cơ bản cần bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.*

Từ khóa: *bồi dưỡng, cán bộ quản lý, chương trình giáo dục phổ thông.*

ABSTRACT: *Teachers and administrators of general education institutions play a central role in the process of comprehensive reform of general education. Therefore, most of the study on reform aimed at upholding teachers and administrators. As the orientation for revising curriculum and textbooks towards capacity development for learners has taken into account satisfying many common objectives to facilitate the reform, identifying the uphold content is very important. The article outlines some of the basic contents for upholding teachers and administration, which somehow contributes to the current educational reform.*

Key words: *training, management staff, school education program.*

1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

1.1. Chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực

Chương trình và sách giáo khoa theo hướng phát triển năng lực tác động tích cực đến việc xác định mục tiêu giáo dục và tường minh hoá các mục tiêu đó bằng chuẩn đầu ra được mô tả bằng hệ thống các năng lực chung và năng lực chuyên biệt. Hệ thống năng lực đó xuyên suốt các lớp, các cấp học, các môn học, hoạt động giáo dục và dựa vào đó xác định các

phương thức dạy học tích hợp, phát triển năng lực, tác động một cách trực tiếp làm thay đổi mô hình, cấu trúc sách giáo khoa. Đó là những yêu cầu tác động một cách sâu sắc đến năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

Chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực người học cũng đặt ra những thách thức phải vượt qua mới đạt được kết quả mong đợi. Các thách thức đó là:

Người xây dựng chương trình môn học, hoạt động giáo dục phải có năng lực xác định và mô tả chuẩn đầu ra đủ tường minh cho việc lựa chọn lĩnh vực khoa học, môn học, các hoạt động giáo dục; cho việc lựa chọn phương pháp

^(*)Thạc sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

dạy học, cách đánh giá kết quả giáo dục; cho việc biên soạn sách giáo khoa đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình, nghĩa là có thể xem mục tiêu và chuẩn đầu ra là bản thiết kế, còn người soạn sách giáo khoa, người dạy, người học, người quản lý chất lượng giáo dục là người đọc bản vẽ thiết kế và thi công làm ra sản phẩm là nhân cách học sinh.

Phương pháp dạy học bằng thuyết trình truyền đạt thông tin một chiều từ người dạy đến người học, làm mất phản ứng chủ động tích cực của học sinh trong quá trình nhận thức đang ngự trị ở nhà trường phổ thông, trở thành động hình khó đổi ở cả giáo viên, học sinh, người quản lý giáo dục là cản trở lớn cho việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo hướng phát triển năng lực.

1.2. Chương trình và sách giáo khoa theo định hướng tích hợp và phân hóa

1.2.1. Tích hợp

Tích hợp là một hoạt động mà ở đó cần phải kết hợp, liên hệ, huy động các nội dung tích hợp và phân hóa có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực để giải quyết, làm sáng tỏ vấn đề và cùng một lúc đạt được nhiều mục tiêu khác nhau.

Dạy học tích hợp là định hướng dạy học trong đó giáo viên tổ chức, hướng dẫn để học sinh biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; thông qua đó hình thành những kiến thức, kỹ năng mới; phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

1.2.2. Phân hóa

Dạy học phân hóa là định hướng trong đó giáo viên tổ chức dạy học tùy theo đối tượng, nhằm bảo đảm yêu cầu giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý, nhịp độ, khả năng, nhu cầu và hứng thú khác nhau của những người học; trên cơ sở đó phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi học sinh.

Căn cứ để dạy học phân hóa là:

Một là do đặc điểm của đối tượng người học, mỗi học sinh là một cá nhân có tiềm năng riêng, có trí thông minh, tình cảm và động lực học tập khác nhau. Nhà trường cần trang bị cho học sinh nền học vấn phổ thông, đồng thời có nhiệm vụ giúp mỗi học sinh phát triển tối đa năng lực cá nhân của mình. Dạy học phân hóa tốt sẽ đáp ứng và phát huy được nguyện vọng, sở trường và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các cá nhân khác nhau.

Hai là do yêu cầu phát triển khoa học và đòi hỏi của thị trường lao động buộc nhà trường phổ thông, nhất là bậc trung học phổ thông cần dạy học phân hóa để cung cấp cho giáo dục đại học, cao đẳng cũng như các trường nghề nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu chuyên sâu về một lĩnh vực khoa học hoặc ngành nghề chuyên biệt. Phân hóa là để đáp ứng yêu cầu phân công lao động trong xã hội. Mục tiêu phân hóa này tác động lớn đến yêu cầu năng lực dạy học môn học của giáo viên và năng lực của cán bộ quản lý nhà trường phổ thông.

1.3. Chương trình được thiết kế theo hai giai đoạn: giáo dục cơ bản 9 năm ở bậc tiểu học và trung học cơ sở và giáo dục định hướng nghề nghiệp 3 năm ở trung học phổ thông

Triết lý của việc thiết kế chương trình theo hai giai đoạn là thực hiện mục tiêu giáo dục phổ cập, bắt buộc cấp trung học cơ sở, tạo tiềm lực cho học sinh phát triển sau trung học phổ thông một cách linh hoạt phù hợp nhu cầu, sở thích, sở trường cá nhân, đáp ứng nhu cầu nhân lực đa dạng của xã hội.

Như vậy, giai đoạn giáo dục cơ bản vẫn là 9 năm như hiện hành nhưng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình là khác nhau về chất. Sự khác nhau đó thể hiện ở tính hệ thống trọn vẹn hơn về tri thức phổ thông nền tảng; ở sự tích hợp chặt chẽ hơn nội dung ở các lĩnh vực khoa học nhằm trang bị cho học sinh không chỉ các kiến thức, kỹ năng chuyên biệt mà còn qua

đó khái quát được các nguyên lý khoa học mang tính khái quát cao hơn về bản chất sự vật, hiện tượng khách quan, phát triển được các năng lực chung cốt lõi cho người học.

Các môn học trong chương trình giáo dục cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở thường được xác định theo lĩnh vực khoa học rộng. Ví dụ môn khoa học tự nhiên gồm Vật lý, Hoá học, Sinh học,...; môn Khoa học xã hội gồm Lịch sử, Địa lý, Xã hội học...

Để thực hiện được chương trình hai giai đoạn sẽ nảy sinh những vấn đề cần giải quyết như: thay đổi cơ cấu đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở; giáo viên ở cấp học này phải chuyển từ dạy đơn môn sang dạy môn học có tính tích hợp rộng; sách giáo khoa phải được soạn lại theo cấu trúc môn học tích hợp; các trường sư phạm phải đổi mới chương trình đào tạo giáo viên; đội ngũ nhà giáo phải được bồi dưỡng, đào tạo lại...

Phân hoá sâu đảm bảo cho học sinh tiếp cận nghề nghiệp sẽ chi phối việc lựa chọn nội dung, cơ cấu môn học, hoạt động giáo dục theo nguyên tắc chuyên sâu, phục vụ trực tiếp cho học nghề, học các chuyên ngành cụ thể ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học. Theo đó sẽ nảy sinh những vấn đề mới cần giải quyết như: tổ chức dạy học tự chọn theo các công thức đa dạng; số môn học và chuyên đề thường xuyên tăng thêm theo nhu cầu phân hoá ngành nghề mới của xã hội. Cơ cấu đội ngũ giáo viên cũng phải đa dạng hơn; quản lý kế hoạch dạy học ở nhà trường sẽ phức tạp hơn; chương trình phải được thiết kế có sự gắn kết, liên thông với nội dung đào tạo ở các trường nghề, trường đại học... Vì vậy, giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường phải được đào tạo lại, bồi dưỡng theo hướng trang bị kiến thức chuyên sâu; năng lực tư vấn nghề nghiệp, lựa chọn môn học... Những vấn đề này phải được quan tâm giải quyết thì mới bảo đảm tính hiệu quả, khả thi của chương trình mới.

1.4. Thực hiện cơ chế một chương trình quốc gia, nhiều bộ sách giáo khoa

Sách giáo khoa hiện đại phải thực hiện được hai chức năng cơ bản: nguồn cung cấp nội dung kiến thức và hướng dẫn hoạt động dạy, hoạt động học.

Trong xã hội hiện đại, sách giáo khoa không còn là một nguồn thông tin duy nhất. Tuy vậy, thông tin từ sách giáo khoa vẫn có vai trò quan trọng, là nguồn chính thống, cơ bản mẫu mực nên không thể không có sách giáo khoa. Nội dung kiến thức sách giáo khoa đã được gia công, lựa chọn, trình bày theo logic nhất định vừa bảo đảm chính xác khoa học vừa thể hiện quan điểm riêng của người biên soạn. Như vậy, thông tin từ sách có giá trị đã được tinh chế nhất định và sự tinh chế đó mang dấu ấn phong cách, quan điểm của cá nhân người soạn. Phong cách, quan điểm đó rất phong phú vì vậy nếu chỉ sử dụng một bộ sách cho thực hiện chương trình thì sẽ không tận dụng được sáng tạo đó của đông đảo các nhà khoa học, đặc biệt là của đội ngũ giáo viên phổ thông. Mặt khác, điều kiện tiếp xúc, lựa chọn, xử lý nguồn thông tin khoa học, đặc điểm người dạy, người học cũng rất đa dạng ở các vùng miền, địa phương với các đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa khác nhau, nếu chỉ có một bộ sách giáo khoa thì khó đáp ứng được những đặc điểm riêng đó. Cơ chế một chương trình, một bộ sách giáo khoa như hiện tại không đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú của các đối tượng sử dụng sách giáo khoa ở các vùng miền, khu vực, không khuyến khích, tận dụng được kinh nghiệm sáng tạo của nhiều cá nhân, tổ chức trong việc biên soạn sách giáo khoa, dễ dẫn đến rập khuôn, thiếu linh hoạt trong sử dụng thông tin từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau trong dạy học.

Thực hiện cơ chế một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau về cấu trúc, cách lựa chọn thông tin sẽ là cơ hội cho việc đổi mới

giáo dục; đổi mới phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Như vậy, cần phải thống nhất tiêu chí, yêu cầu sư phạm cơ bản đánh giá sách giáo khoa để dựa vào đó biên soạn, lựa chọn sách giáo khoa một cách sáng tạo, linh hoạt theo nhiều phương án khác nhau; phải công khai các quy định về yêu cầu, tiêu chí biên soạn sách giáo khoa mới tránh được những rủi ro phi sư phạm của sách giáo khoa. Đó chính là công cụ quản lý nhà nước về sách giáo khoa. Lựa chọn sách giáo khoa là một yêu cầu cần bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên.

1.5. Kiểm tra, đánh giá và thi cử theo định hướng đánh giá năng lực

Kiểm tra, đánh giá có vai trò kép: kích thích, tạo động lực điều chỉnh, phát triển hoàn thiện chương trình giáo dục, hoạt động dạy, hoạt động học, hoạt động quản lý bảo đảm chất lượng giáo dục; và xác nhận thành tích học tập theo quy chuẩn chất lượng đạt mục tiêu giáo dục. Kiểm tra, đánh giá phải vừa là phương pháp, vừa là nội dung giáo dục, vừa là hoạt động quản lý chất lượng giáo dục.

Nội dung và phương thức đánh giá đó sẽ khắc phục được các bất cập, nhược điểm hiện hành và đặc biệt tạo được sự chuyển biến các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục: đòi hỏi phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực; liên tục tổ chức điều chỉnh quá trình giáo dục để khắc phục được những hiện tượng như “ngồi nhầm lớp”, “nhầm cấp học”, “chọn nhầm nghề”; khi đánh giá không yêu cầu học thuộc thì chủ trương một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa mới thành hiện thực; đặc biệt kiểm tra yêu cầu tư duy phê phán, tư duy phản biện sẽ kích thích hứng thú học tập vốn là yếu tố đang là sự cố gắng của các nhà sư phạm tạo một môi trường học tập dân chủ, sáng tạo.

Tác động tích cực của đổi mới kiểm tra, đánh giá theo phương án mới với lập luận như trên là chặt chẽ, thuyết phục, tin cậy nhưng có hiện thực hóa được hay không phụ thuộc vào

nhiều yếu tố liên quan đến con người từ các cấp quản lý vi mô đến vĩ mô, đến giáo viên. Bởi vậy, cần bồi dưỡng năng lực kiểm tra, đánh giá cho giáo viên.

1.6. Quản lý thực hiện chương trình theo định hướng tăng cường tự chủ của địa phương và nhà trường

Hiện nay, chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông được thực hiện theo phương thức quản lý mang tính áp đặt bằng các biện pháp hành chính cứng nhắc làm giảm khả năng thích nghi với hoàn cảnh địa phương, hạn chế sáng tạo của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Nghị quyết của Quốc hội quy định “*Chương trình giáo dục phổ thông quốc gia quy định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung giáo dục bắt buộc, đồng thời hướng dẫn các nội dung giáo dục mở rộng (cùng với thời lượng) để các nhà trường vận dụng, xây dựng chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện của mình*”. Vấn đề đặt ra là phải lựa chọn được phương án quản lý chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuyển từ cơ chế quản lý áp đặt mang tính hành chính, cứng nhắc sang quản lý mềm dẻo, linh hoạt phù hợp với hoàn cảnh địa phương và nhà trường để chương trình được thực thi với hiệu quả cao trong thực tế nhà trường đa dạng.

Cơ chế quản lý mới sẽ huy động được sự tham gia đóng góp một cách trực tiếp của các địa phương, nhà trường, đội ngũ giáo viên, cộng đồng địa phương vào quá trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông quốc gia. Do đó, vừa làm cho chương trình giáo dục phù hợp với yêu cầu của địa phương, nhà trường, vừa tăng được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở nhà trường, khắc phục tâm lý thụ động triển khai theo mệnh lệnh từ trên xuống vốn đã thành động hình trong đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Cơ chế đó đòi hỏi cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên phải được bồi dưỡng, đào tạo lại năng lực phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

2. NHỮNG ĐỔI MỚI CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TÁC ĐỘNG ĐẾN NHÀ TRƯỜNG, GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Chương trình giáo dục phổ thông định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, khi đó chương trình môn học, hoạt động giáo dục đã được mô tả tường minh các năng lực chung, năng lực đặc thù bằng các tiêu chí, chỉ báo để dựa vào đó giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý nhà trường phải “đọc bản thiết kế”, tổ chức “thi công” làm ra sản phẩm là nhân cách học sinh với đầy đủ các phẩm chất và năng lực đã xác định. Để thực hiện việc đó, mỗi nhà trường phải phát triển chương trình nhà trường phù hợp.

Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng theo định hướng tích hợp và phân hoá. Khi đó, mỗi nhà trường phải xây dựng một kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, đặc biệt phải bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp, phân hoá cho giáo viên; cơ cấu lại đội ngũ giáo viên; phải khảo sát hệ thống ngành nghề và nhu cầu nhân lực của địa phương, các cơ sở dạy nghề, hướng nghiệp để có kế hoạch hợp tác giáo dục; biên chế lớp học theo từng nhóm ngành nghề, xác định các tổ hợp chuyên đề, môn học phù hợp; tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho học sinh;...

Chương trình giáo dục phổ thông được thiết kế theo hai giai đoạn, khi đó: Mỗi nhà trường phải thay đổi cơ cấu đội ngũ giáo viên, cơ cấu bộ môn, ở trung học phổ thông tổ chức dạy học tự chọn theo các công thức đa dạng kéo theo yêu cầu biên chế lại cơ cấu đội ngũ giáo viên ở mỗi trường, nhu cầu phòng học tăng lên, quản lý kế hoạch dạy học sẽ phức tạp hơn, phải có sự gắn kết, liên thông trong thiết kế chương trình, tổ chức dạy học giữa phổ thông, các trường nghề, trường đại học... Vì vậy giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường phải được đào tạo lại, bồi dưỡng theo hướng trang bị kiến thức chuyên

sâu, năng lực tư vấn nghề nghiệp, lựa chọn môn học, tài liệu giáo khoa.

Thực hiện cơ chế một chương trình quốc gia, nhiều bộ sách giáo khoa. Khi đó, mỗi nhà trường phải sáng tạo trong việc tổ chức cho giáo viên, học sinh lựa chọn sách giáo khoa phù hợp. Nhà trường có thể tổ chức hội đồng lựa chọn sách giáo khoa gồm nhiều bên liên quan, và khi đủ điều kiện có thể tự tổ chức soạn tài liệu giáo khoa cho riêng trường mình.

Quản lý thực hiện chương trình theo hướng tăng cường năng lực tự chủ của địa phương và nhà trường. Khi đó, chương trình giáo dục phổ thông quốc gia quy định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung giáo dục bắt buộc, trên cơ sở đó các nhà trường vận dụng, xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện của mình. Nhiều nội dung giáo dục, đặc biệt là các giá trị truyền thống văn hóa địa phương, làng nghề cần được đưa vào nội dung giáo dục của mỗi địa phương, nhà trường. Mỗi trường phải có cơ chế quản lý để tận dụng được sự tham gia của cộng đồng địa phương, của đội ngũ giáo viên vào quá trình phát triển chương trình. Cơ chế quản lý đổi mới sẽ huy động được sự đóng góp của địa phương, nhà trường, đội ngũ giáo viên vào quá trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông quốc gia làm cho chương trình giáo dục phù hợp với địa phương, nhà trường, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở nhà trường. Cơ chế đó sẽ thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, năng lực nghề nghiệp giáo viên, mỗi nhà trường trở thành một đơn vị học thuật, nghiên cứu khoa học giáo dục, phát triển nghề nghiệp. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đi đôi với kiểm soát, quản lý kiểm định và tự kiểm định chất lượng giáo dục của mỗi nhà trường. Quản lý chất lượng, phát triển chương trình giáo dục nhà trường là những năng lực cơ bản của người quản lý nhà trường, là văn hoá chất lượng mỗi nhà trường. Cấp nhà trường tổ chức triển khai chương trình quốc gia với tư cách là đơn vị

quyết định trực tiếp hiện thực hoá chương trình giáo dục phổ thông quốc gia.

3. NỘI DUNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.1. Đối với giáo viên

Để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông giáo viên cần được bồi dưỡng:

Những đổi mới của chương trình giáo dục và yêu cầu đối với hoạt động quản lý và giáo viên các trường;

Phân cấp quản lý thực hiện chương trình giáo dục theo tiếp cận giáo dục dựa vào nhà trường và những yêu cầu mới đối với cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên;

Phát triển năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cho cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên;

Xây dựng tiêu chí giáo viên cốt cán và bồi dưỡng giáo viên cốt cán;

Bồi dưỡng giáo viên kỹ năng tìm hiểu học sinh và môi trường giáo dục để tổ chức dạy học, giáo dục;

Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa và bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên kỹ năng lựa chọn sách giáo khoa;

Bồi dưỡng giáo viên cơ sở lý luận và kỹ năng thiết kế chủ đề dạy học môn học đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp;

Bồi dưỡng giáo viên kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh;

Xây dựng đội ngũ giáo viên tư vấn hướng nghiệp cho học sinh đáp ứng thực hiện dạy học phân hóa ở trung học phổ thông;

Cơ sở lý luận về bản chất và mối quan hệ giữa dạy học phân hóa, dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh;

Bồi dưỡng giáo viên kỹ năng soạn đề và xây dựng tham chiếu đánh giá năng lực học sinh trong dạy học bộ môn;

Phát triển chương trình môn học, hoạt động giáo dục và chuyên đề tự chọn;

Kỹ thuật đưa năng lực vào môn học và hoạt động giáo dục;

Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục;

Kỹ năng phát triển nguồn học liệu.

Để giáo viên đáp ứng yêu cầu đó, cần các giải pháp

Khi chương trình xây dựng theo định hướng tích hợp sẽ tác động đến nhiều yếu tố, trong số đó có yếu tố năng lực giáo dục tích hợp của giáo viên và việc thiết kế các môn học tích hợp các khoa học, ví dụ môn Khoa học tự nhiên gồm vật lý, hóa học, sinh học, môn khoa học xã hội có lịch sử, địa lý.

Này sinh khó khăn là liệu giáo viên được đào tạo chuyên sâu một lĩnh vực khoa học chuyên ngành như lâu nay có dạy được các môn học tích hợp các môn khoa học không? Giải pháp nào cho việc phân công dạy học các môn học đó? Các giải pháp chính là:

Thiết kế chương trình môn học tích hợp vừa bảo đảm mạch logic nội dung từng đơn môn, vừa có các chủ đề tích hợp một cách logic các đơn môn đó. Các chủ đề tích hợp đó phải vừa kết nối được các đơn môn, vừa có vai trò giúp học sinh hiểu sâu từng đơn môn. Thỏa mãn yêu cầu kép này các chủ đề tích hợp có thể là các nguyên lý khoa học khái quát, các lĩnh vực hoạt động ứng dụng tri thức liên môn. Các nguyên lý, các lĩnh vực này phải được qui định trong chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên đang đứng lớp hiện nay. Như vậy giáo viên được đào tạo chuyên về các đơn môn (sinh học hay vật lý, hay hóa học) vẫn dạy được và dạy tốt các môn học tích hợp. Như vậy sẽ không gây khó khăn xáo trộn cơ cấu phân công giáo viên dạy các môn khoa học tích hợp.

Tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên để có vốn tri thức rộng, tích hợp. Lưu ý rằng đào tạo vốn tri thức rộng sẽ càng làm cho giáo viên có hiểu biết sâu sắc hơn nội dung khoa học đơn ngành.

Mỗi nhà trường khi xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phải tổ chức các bộ môn,

các nhóm giáo viên cùng trao đổi học thuật, thiết kế các chủ đề tích hợp qua đó phát triển năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên.

Về giải pháp giáo viên để tổ chức dạy học phân hóa theo các môn học tự chọn, các chủ đề học tập tự chọn.

Khi chương trình phân hóa định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông bằng hệ thống các môn học tự chọn, các chuyên đề tự chọn sẽ nảy sinh các khó khăn: cơ cấu đội ngũ giáo viên mỗi trường trung học phổ thông sẽ thay đổi theo nhu cầu không đồng đều ở các môn học, chuyên đề học tập khác nhau, phải tổ chức dạy học tự chọn theo các công thức đa dạng; số môn học và chuyên đề tự chọn thường xuyên tăng lên theo nhu cầu phân hóa ngành nghề, cơ cấu đội ngũ giáo viên theo đó phải đa dạng hơn, phải có sự liên kết liên thông không chỉ về nội dung mà cả cơ sở vật chất, nhân lực.

Các giải pháp chính giải quyết các khó khăn đó có thể là:

Giáo viên phải được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng sao cho họ vừa có tri thức đủ rộng, vừa có năng lực dạy học một môn học, chuyên đề ở mức cao hơn, sâu hơn, gắn cụ thể hơn với một lĩnh vực ngành nghề. Đó là giải pháp lâu dài, bền vững mà trước hết phải đổi mới chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm.

Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên hiện có để có giáo viên cốt cán chuyên sâu về từng môn học, chuyên đề tự chọn định hướng nghề nghiệp. Trước mắt khi mỗi trường chưa đủ, có thể tổ chức đội ngũ giáo viên chuyên sâu này theo cụm trường để thỉnh giảng chéo giữa các trường, kể cả việc mời người dạy từ các cơ sở dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học, cũng có thể ghép nhóm học sinh có cùng lựa chọn ở các trường trung học phổ thông trong cùng địa bàn.

Nhà trường khảo sát nhu cầu nhân lực, ngành nghề xã hội, cộng đồng địa phương để có thông tin về khả năng lựa chọn môn học của

học sinh. Kết quả khảo sát là cơ sở để nhà trường chuẩn bị nguồn lực, trong đó có việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên để phân công dạy.

Xây dựng kế hoạch liên kết với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp để liên thông sử dụng nguồn lực.

Các cơ sở đào tạo giáo viên cần thiết kế chương trình sao cho sinh viên vừa được đào tạo để dạy học các môn học tích hợp các khoa học, vừa được lựa chọn để được đào tạo chuyên sâu các môn học, chuyên đề tự chọn.

Các địa phương thường xuyên bồi dưỡng cập nhật chuyên sâu các môn học, chuyên đề tự chọn, và coi đây là một nội dung của phát triển chương trình nhà trường.

3.2. Đối với cán bộ quản lý nhà trường

Cán bộ quản lý được tập huấn để đạt được các yêu cầu như đối với giáo viên đã nêu trên; ngoài ra cần đạt được các yêu cầu riêng cho hoạt động quản lý nhà trường, đó là:

Quản lý tập thể sư phạm nhà trường phát triển chương trình nhà trường;

Tổ chức bồi dưỡng về những định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, rèn luyện các kỹ năng thông qua các hoạt động cụ thể.

Tổ chức các hoạt động xã hội hoá giáo dục (tập trung vào các nội dung đổi mới cơ bản). Đây là lĩnh vực quan trọng tác động đến nhiều nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 88 của Quốc hội.

Một số nội dung cụ thể mà hiệu trưởng mỗi nhà trường cần thực hiện

Nghiên cứu hạ tầng giáo dục, hiện trạng kinh tế, xã hội địa phương, nhu cầu phụ huynh, đặc biệt là học sinh; chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: cơ sở thực hành, thiết bị, phương tiện giáo dục,...

Tổ chức đa dạng hóa các phương pháp, hình thức dạy học, giáo dục dựa trên nghiên cứu bài học, các hoạt động phát triển nghề nghiệp.

Tổ chức dạy học phân hóa dựa trên nghiên cứu nhu cầu, sở trường, đặc điểm, đặc thù từng nhóm học sinh.

Điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

Tổ chức nhóm, tổ chuyên môn, hội đồng xây dựng chương trình giáo dục nhà trường và chia sẻ kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp, bồi dưỡng nghề nghiệp thường xuyên.

Phát triển nguồn học liệu trên cơ sở chương trình các môn học, các chuyên đề tự chọn theo nhu cầu học sinh và hướng nghiệp địa phương.

Tổ chức đánh giá giáo viên sao cho khích lệ được ý thức tự giác phát triển năng lực nghề nghiệp, biến nhà trường thành tổ chức biết học hỏi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2016), *Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông trên thế giới*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Ước án đề án đổi mới giáo dục phổ thông*) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tại quyết định số ĐTTg ngày .
3. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2014), *Dạy học tích hợp và dạy học phân hoá ở trường trung học – Giải pháp đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm* , Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2017), *Tổ chức triển khai thực hiện hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm*.

Ngày nhận bài: 10/12/2017. Ngày biên tập xong: 17/12/2017. Duyệt đăng: 02/01/2018